

CHỨNG THƯ CHẤT LƯỢNG
INSPECTION CERTIFICATE
Số/Nº: 0576/2025/SP



- Tên hàng hóa: N46.PLUS Cà Mau
Product name: N46.PLUS CA MAU
- Khối lượng: 521.85 tấn
Quantity: 521.85 Tons
- Thông tin sản phẩm:
 - Urê bao N46. Plus xanh dương ANRD - 25Kg : 198.93 tấn
 - Urê bao N46. Plus xanh dương ANRD - 40kg : 322.92 tấnNSX: 25/07/2025; HSD: 24 tháng kể từ NSX
Ngoại quan sản phẩm: Dạng hạt, rắn
- Xuất xứ/nơi sản xuất hàng hóa: Nhà máy Đạm Cà Mau, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Origin of goods: Ca Mau Fertilizer Plant, Khanh An Commune, Ca Mau Province, Viet Nam
- Địa điểm thực hiện: Nhà máy Đạm Cà Mau, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Place of inspection: Ca Mau Fertilizer Plant, Khanh An Commune, Ca Mau Province, Viet Nam
- Thời gian thực hiện: 26/07/2025 13:50:11
Time of inspection: 26/07/2025 13:50:11
- Giám định viên: Bùi Hồng Yên, Trần Bửu Lộc
Inspector: Bùi Hồng Yên, Trần Bửu Lộc
- Nội dung giám định: Theo TCCS 05:2024/PVCFC
Based on: The Standard TCCS 05:2024/PVCFC
- Kết quả phân tích mẫu:
Analysis results:

STT <i>No</i>	Tên chỉ tiêu <i>Components</i>	Phương pháp thử <i>Testing Method</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Tiêu chuẩn kỹ thuật <i>Specifications</i>	Kết quả <i>Results</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Đạm tổng số (Nts)	TCVN 8557:2010	%	46.0	46.23	
2	Biuret - AOAC	AOAC 976.01	%	0.99	0.88	
3	Độ ẩm	TCVN 2620:2014	%	1.0	0.39	
4	N-(n-butyl) thiophosphoric triamide (NBPT)	Ref BS EN 15688:2008	mg/L	230	372.38	
5	Dicyandiamide (DCD)	Ref BS EN 15360:2007	mg/L	950	1200.93	
6	Kích thước hạt 2 - 4.5 mm	TCVN 2620:2014	%	90	99.82	

- Kết luận: Phù hợp TCCS 05:2024/PVCFC
Conclusion: In conformity with the Standard TCCS 05:2024/PVCFC

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG NGHỆ

Manager of Process Department
Ký bởi: Nguyễn Văn Bình
Ngày ký: 29/07/2025 09:24:43
Tổ chức xác thực: PVCFC CA